

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHO QUAN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số 80 /2024/ HSST
Ngày: 17/12/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHO QUAN, TỈNH NINH BÌNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Khắc Thái

Ông Hà Quang Văn

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngân- Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 74/2024/HS-ST ngày 29/10/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82 ngày 03 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Bùi Văn T** - sinh năm 1998 (Tên gọi khác: không); Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: lao động tự do; Con ông: Bùi Văn T1; Con bà: Bùi Thị N; Chưa có vợ con;

Tiền án: Tại bản án số 55/2021/HS-ST Ngày 27/8/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 11 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng. Ngày 31/3/2022 Bùi Văn T nộp án phí. Ngày 30/4/2022 Bùi Văn T chấp hành xong hình phạt tù. Đến nay chưa được xóa án tích.

+Tại bản án số 09/2023/HS-ST, ngày 22/02/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 15 tháng tù về tội “*Hủy hoại tài sản*”. Án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng. Ngày 04/4/2023 Bùi Văn T nộp án phí. Ngày

06/02/20224 Bùi Văn T chấp hành xong hình phạt tù. Tại bản án số 09 áp dụng tình tiết tăng nặng “Tái phạm” Đến nay chưa được xóa án tích.

Tiền sự: không

Lịch sử bản thân: Tại Quyết định số 134/QĐ-XPHC ngày 24/12/2019 của Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa xử phạt Bùi Văn T 750.000đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 21/12/2019 Bùi Văn T chấp hành xong. Đến nay đã được coi là chưa vi phạm

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/7/2024 đến ngày 24/7/2024 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh N cho đến nay. (Có mặt)

2. Họ và tên: **Quách Văn Q**- sinh năm 1995 (Tên gọi khác: không); Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: lao động tự do; Con ông :Quách Văn Q1 sinh năm 1968; Con bà: Bùi Thị T2–sinh năm 1969; Vợ con chưa có. Tiền án, Tiền sự: không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/7/2024 đến ngày 24/7/2024 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh N cho đến nay. (Có mặt)

Bị hại: Chị Nguyễn Thị N1, sinh năm 2000. Nơi cư trú: Thôn B, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình.(Vắng mặt)

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1964.(Vắng mặt)
- Anh Phạm Văn T4, sinh năm 2004.(Vắng mặt)
- Chị Phạm Thị Thúy H, sinh năm 1993.(Vắng mặt)
- Anh Trương Ngọc K, sinh năm 1995.(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn T sinh năm 1998; Quách Văn Q sinh năm 1995 đều trú tại thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và Phạm Văn C sinh năm 1999, trú tại thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa là bạn bè quen biết nhau. Bùi Văn T thường xuyên đến nhà Phạm Văn C để phụ hồ giúp C đổ ống cống bê tông và thường ngủ lại ở nhà Chung. T và C đều không có nghề nghiệp ổn định và nghiện ma túy. Do không có tiền chi tiêu nên C đã rủ T đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Sáng

ngày 25/3/2024, Phạm Văn C rủ Bùi Văn T đi xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave màu xanh đen của C đến địa bàn huyện N, tỉnh Ninh Bình để trộm cắp tài sản thì T đồng ý. Bùi Văn T điều khiển xe mô tô chở Phạm Văn C từ nhà ở của C đi theo đường Q đi đến địa phận thôn B, xã L, huyện N thì Bùi Văn T và Phạm Văn C phát hiện có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu cam- đen- bạc biển kiểm soát 35N1- 45594 của chị Nguyễn Thị N1 sinh năm 2000 trú tại thôn B, xã L, huyện N đang để bên đường trước cửa nhà không có người trông coi. Bùi Văn T dừng xe lại thì Phạm Văn C xuống xe đi đến vị trí chiếc xe mô tô, phát hiện thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave màu cam- đen- bạc biển kiểm soát 35N1- 45594 chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa điện. C lên lút đến chỗ chiếc xe, bật chìa khóa điện và nổ máy điều khiển xe mô tô đi, còn Bùi Văn T điều khiển xe mô tô đi phía sau. Phạm Văn C điều khiển chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được mang về quán rửa xe tại xã T, huyện T rửa xe và để xe lại quán. Đến ngày hôm sau Phạm Văn C đến lấy xe mang về nhà ở của C cất giấu để tìm nơi tiêu thụ. Một ngày sau Bùi Văn T và Phạm Văn C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu cam- đen- bạc biển kiểm soát 35N1- 45594 đi đến tỉnh Bắc Ninh. Dọc đường đi thì C đã tháo biển kiểm soát xe mô tô và gương chiếu hậu bên trái vứt ở ven đường. Khi đến khu vực cổng khu công nghiệp V huyện T, tỉnh Bắc Ninh thì T lấy điện thoại của C gọi điện qua ứng dụng Zalo từ tài khoản Zalo của C đến tài khoản Zalo “Văn Quyết” của Quách Văn Q và bảo Q ra đón T và C đến phòng trọ của Q. Tại phòng trọ của Q thì T và C nói chuyện cho Q biết chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave màu cam- đen- bạc do C và T trộm cắp được và muốn bán lấy tiền đi miền N thì Q có hỏi “Xe này lấy ở xa không?” C trả lời: “Lấy ở xa không phải lo”. Q nói “Chúng mày đi miền N thì bán lại cho tao”. Bùi Văn T và Phạm Văn C thỏa thuận bán lại chiếc xe mô tô trên cho Quách Văn Q với giá 2.000.000đồng. Quách Văn Q biết rõ chiếc xe mô tô trên do T và C trộm cắp nhưng do ham rẻ nên Q đồng ý mua. Do Q chưa có tiền nên T và C cho Q nợ lại. Quách Văn Q sau khi mua lại chiếc xe mô tô trên biết là xe trộm cắp, sợ bị phát hiện nên đã mang chiếc xe trên đi dán toàn bộ màu sơn xe sang màu xám. Sau đó Quách Văn Q cho Phạm Văn T4 sinh năm 2004 trú tại thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa mượn xe mô tô để đi về quê. T4 đã lấy xe mô tô của Q đi về tỉnh Thanh Hóa. Đến khoảng cuối tháng 6/2024, Phạm Văn T4 đã cùng anh Trương Văn K1 sinh năm 1995 trú cùng thôn với T4 cùng nhau đến nhà chị Phạm Thị Thúy H sinh năm 1993 trú tại thôn M, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa gửi lại xe tại nhà chị H để đi chơi. Khoảng 20 ngày sau T đi miền N về thì Q trả cho T số tiền 1.000.000đồng, còn nợ lại 1.000.000 đồng do Q chưa có tiền trả nên T cho Q và không đòi nữa.

Sau khi bị mất chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave màu cam- đen- bạc biển kiểm soát 35N1- 45594 đến ngày 13/7/2024, chị Nguyễn Thị N1 có đơn trình báo đến Công an xã L, huyện N. Quá trình điều tra, xác minh ngày 15/7/2024, Bùi Văn T và Quách Văn Q đã đến Cơ quan Công an đầu thú và khai nhận về hành vi phạm tội của mình.

Ngày 15/7/2024, chị Phạm Thị Thúy H đã giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, có số máy JAJ9E1553464, số khung RLHJA3918LY215601 màu xám cho Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện N. Ngày 15/7/2023 bà Trịnh Thị T5 sinh năm 1975 trú tại thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa mẹ đẻ của Phạm Văn C giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave màu xanh đen, số khung RLHJA391XKY149583, số máy JA39E-1006854, xe không có biển kiểm soát, không có yếm và không có chìa khóa điện cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N. Ngoài ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N còn thu giữ của Bùi Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7 Plus lắp sim số thuê bao 0975834724; thu của Quách Văn Q 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHON 6s lắp sim số thuê bao 0373637112.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 14/KL-HDDG ngày 17/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện N kết luận:

01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu cam -đen- bạc, biển kiểm soát 35N1- 455.94 (đã qua sử dụng). Thời điểm định giá: Tháng 3/2024 có giá trị là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã tiến hành kiểm tra 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7 Plus lắp sim số thuê bao 0975834724 thu giữ của Bùi Văn T và 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHON 6s lắp sim số thuê bao 0373637112 thu giữ của Quách Văn Q, qua kiểm tra không phát hiện các tin nhắn, cuộc gọi liên quan đến hành vi phạm tội, đã tiến hành niêm phong vào các phong bì theo quy định của pháp luật ký hiệu A1, A2 gửi trưng cầu Phòng K2 Công an tỉnh N giám định Kỹ thuật số điện tử đối với 02 chiếc điện thoại di động nêu trên.

Tại bản Kết luận giám định số 840/KL-KTHS-KTS&ĐT ngày 07/10/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh N kết luận:

Điện thoại di động trong phong bì gửi giám định ký hiệu A1: Không tìm thấy dữ liệu tin nhắn SMS, Z, Facebook M đã bị xóa liên quan đến việc trộm cắp tài sản và mua bán tài sản trộm cắp trong khoảng thời gian từ 20/3/2024 đến 15/7/2024.

Điện thoại di động trong phong bì gửi giám định ký hiệu A2: Không tìm thấy dữ liệu tin nhắn SMS, Z, Facebook M đã bị xóa liên quan đến việc trộm cắp tài sản và mua bán tài sản trộm cắp trong khoảng thời gian từ 20/3/2024 đến 15/7/2024.

Hoàn lại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N toàn bộ đối tượng gửi giám định như QĐTC giám định số 776/QĐ-ĐCŠHS, KT, MT ngày 12/9/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N được niêm phong theo đúng quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 77/CT-VKS ngày 29/10/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan đã truy tố bị cáo Bùi Văn T ra trước Tòa án nhân dân huyện Nho Quan để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”, theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 và bị cáo Quách Văn Q về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, theo khoản 1, Điều 323 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị: Tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm tội: “Trộm cắp tài sản” và Quách Văn Q về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng điểm g, khoản 2, Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; Xử phạt Bùi Văn T từ 03 (Ba) năm tù đến 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ từ ngày 15/7/2024.

Áp dụng khoản 1, Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; Xử phạt Quách Văn Q từ 09 (Chín) tháng tù đến 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ từ ngày 15/7/2024.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Truy thu số tiền 1.000.000 đồng của bị cáo Bùi Văn T là số tiền bị cáo T nhận từ bị cáo Q do đã bán xe máy cho bị cáo Q.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7 Plus, số máy: MNRM2LL/A, số sê ri: C39SYN5EHG03, số IMEI: 355374083906081 đã qua sử dụng thu giữ của Bùi Văn T và 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6s, số máy MKR22LL/A, số sê ri: C7JRIMPVGRY8; số IMEI: 355690073163965, thu giữ của Quách Văn Q. Quá trình điều tra xác định Bùi Văn T và Quách Văn Q đã sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội

- Tịch thu tiêu hủy 02 mảnh sim số thuê bao 0975834724 và sim số thuê bao 0373637112 thu giữ của các bị cáo Bùi Văn T và Quách Văn Q.

Các bị cáo phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án, không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Bùi Văn T và Quách Văn Q đã khai nhận hành vi phạm tội của mình cũng như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của Bị hại, và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ kết luận: Ngày 25/3/2024, Bùi Văn T và Phạm Văn C đã lén lút bí mật trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu cam- đen- bạc biển kiểm soát 35N1- 45594 theo kết luận định giá có giá trị **12.000.000** đồng của chị Nguyễn Thị N1 ở thôn B, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Sau khi trộm cắp Bùi Văn T và Phạm Văn C đã bán lại chiếc xe mô tô trên cho Quách Văn Q với giá 2.000.000đồng. Quyết biết rõ đó là chiếc xe mô tô do T và C trộm cắp được mà có nhưng Q vẫn mua để sử dụng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Bùi Văn T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tại bản án số 09/2023/HS-ST ngày 22/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa đã áp dụng tình tiết tăng nặng “Tái phạm”. tại bản án này bị cáo T chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội là thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm g, Khoản 2, Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các

trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

.....

g) Tái phạm nguy hiểm;

.....

Hành vi mua bán chiếc xe của bị cáo T và Q nêu trên của bị cáo Quách Văn Q đã phạm tội *Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*, theo quy định tại khoản 1, Điều 323 Bộ luật hình sự.

Điều 323: Tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có

1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

.....

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan truy tố các bị cáo Bùi Văn T và Quách Văn Q về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương do vậy cần xử phạt các bị cáo với mức án nghiêm để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Bùi Văn T và bị cáo Quách Văn Q đều thành khẩn khai báo; tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo biết không thể che giấu được hành vi vi phạm pháp luật của mình ra đầu thú về hành vi phạm tội nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo Quách Văn

Q đây là lần phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm i, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về nhân thân, bị cáo Quách Văn Q nhân thân tốt; bị cáo Bùi Văn T nhân thân xấu ngoài lần này bị cáo còn bị Tòa án nhân dân huyện Thạch thành, tỉnh Thanh Hóa xử phạt hình phạt tù và bị xử phạt hành chính về hành sử dụng trái phép chất ma túy nhưng bị cáo T vẫn có hành vi vi phạm pháp luật, không lấy đó là bài học để ăn năn hối cải nay lại tiếp tục phạm tội thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài, để tương xứng với mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân của các bị cáo mới có tác dụng giáo dục răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội và giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại xe mô tô, chị Nguyễn Thị N1 xác định chiếc xe đã bị thay màu sơn, tháo mất biển kiểm soát và gương chiếu hậu, tuy nhiên chị không có yêu cầu, đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 1.000.000đồng bị cáo Bùi Văn T đã bán xe mô tô trộm cắp cho bị cáo Quách Văn Q, sau đó bị cáo T đã ăn tiêu hết số tiền trên nên cần phải truy thu số tiền trên để tịch thu xung ngân sách Nhà nước.

[5] Về xử lý vật chứng và các vấn đề khác:

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, Phạm Văn C không có mặt tại địa phương. Ngày 27/9/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan có công văn yêu cầu Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N ra quyết định khởi tố bị can đối với Phạm Văn C. Ngày 02/10/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N khởi tố bị can Phạm Văn C và ra quyết định truy nã bị can đối với Phạm Văn C theo quy định. Đến ngày 10/10/2024, Cơ quan điều tra đã ra quyết định tách vụ án hình sự để tiếp tục điều tra, truy bắt và xử lý Phạm Văn C theo quy định là có căn cứ.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave màu xanh đen, số khung RLHJA391XKY149583, số máy JA39E-1006854, xe không có biển kiểm soát, không có yếm và không có chìa khóa điện của Phạm Văn C do mẹ đẻ C là bà Trịnh Thị T5 giao nộp. Cơ quan điều tra tách theo vụ án và bị can Phạm Văn C để điều tra làm rõ nguồn gốc chiếc xe trên để xử lý theo quy định.

Đối với 01 xe mô tô 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, có số máy JAJ9E1553464, số khung RLHJA3918LY215601 màu xám xe không có gương chiếu hậu và không gắn biển kiểm soát, đăng kí xe mang tên Nguyễn Văn T3 sinh năm 1964 địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện N. Quá trình điều tra xác định ông T3 cho con dâu là chị Nguyễn Thị N1 sinh năm 2000 trú tại thôn B, xã L, huyện N nhưng chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ. Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho chị N1.

Đối với vật chứng còn lại đã thu giữ gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7 Plus, số máy: MNRM2LL/A, số sê ri: C39SYN5EHG03, số IMEI: 355374083906081, lắp sim số thuê bao 0975834724 đã qua sử dụng thu giữ của Bùi Văn T và 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6s, số máy MKR22LL/A, số sê ri: C7JR1MPVGRY8; số IMEI: 355690073163965, lắp sim số thuê bao 0373637112 thu giữ của Quách Văn Q. Quá trình điều tra xác định các bị cáo Bùi Văn T và Quách Văn Q đã sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước

[6] Về án phí; Các bị cáo có tội nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Bùi Văn T.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Quách Văn Q.

Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; áp dụng Điều 6; khoản 1, khoản 3 Điều 21, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: bị cáo Bùi Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” và bị cáo Quách Văn Q phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

2. Xử phạt bị cáo: Bùi Văn T 03 (Ba) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 15 tháng 7 năm 2024

- Xử phạt bị cáo: Quách Văn Q 09 (Chín) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 15 tháng 7 năm 2024

3.Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Bùi Văn T phải nộp lại 1.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước. Đây là số tiền bị cáo T bán xe máy cho bị cáo Quách Văn Q.

4.Về xử lý vật chứng: Tịch thu xung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7 Plus, số máy: MNRM2LL/A, số sê ri: C39SYN5EHG03, số IMEI: 355374083906081, lắp sim số thuê bao 0975834724 đã qua sử dụng thu giữ của Bùi Văn T và 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6s, số máy MKR22LL/A, số sê ri: C7JRIMPVGRY8; số IMEI: 355690073163965, lắp sim số thuê bao 0373637112 thu giữ của Quách Văn Q. Quá trình điều tra xác định Bùi Văn T và Quách Văn Q đã sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội. (Cụ thể chi tiết vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/10/2024 giữa Công an huyện N và Chi cục thi hành án dân sự huyện Nho Quan).

Về án phí: Các bị cáo Bùi Văn T, Quách Văn Q phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng)

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB
- VKSND- H. Nho Quan
- Bị cáo
- Bị hại
- VKSND tỉnh NB
- Công an H. Nho Quan
- -THA dân sự H. Nho Quan
- Sở tư pháp
- Lưu

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thị Thanh Nhàn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thị Thanh N2